

# VÌ MỘT NỀN LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH VĂN HỌC CHẤT LƯỢNG CAO

NGUYỄN VĂN DÂN<sup>(\*)</sup>. *Vì một nền lý luận - phê bình văn học chất lượng cao*. H.: Khoa học xã hội, 2005, 304 tr.

THU HIỀN  
*lược thuật*

*Lý luận văn học là một lĩnh vực có vai trò chỉ đạo nghiên cứu và sáng tác văn học. Vì một nền lý luận - phê bình văn học chất lượng cao gồm một số bài viết đề cập đến những vấn đề chung nhất của lý luận và phê bình văn học, và những bài viết về các vấn đề có liên quan đến những nhiệm vụ rất cụ thể của văn học. Ngoài nội dung chính, cuốn sách còn có phần Phụ lục về Bảng từ vựng đặc biệt, liệt kê một số thuật ngữ và khái niệm quan trọng có liên quan đến các cuốn sách đã xuất bản của tác giả, có đối chiếu với thuật ngữ Anh- Pháp.*

Mở đầu cuốn sách là bài viết *Để có một nền lý luận - phê bình văn học chất lượng cao*, tác giả nêu một số vấn đề cụ thể còn tồn tại của lý luận văn học và tình hình cụ thể của lý luận - phê bình văn học Việt Nam hiện nay.

Theo tác giả, còn tồn tại độ vênh về khái niệm, về thuật ngữ giữa lý luận văn học Việt Nam với các nước trên thế giới. Các nhà nghiên cứu văn học người Mỹ coi phê bình văn học là thuật ngữ bao quát thay cho cả lý luận và lịch sử văn học, tức là khoa học nghiên cứu văn học nói chung. Còn ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam, lý luận phê bình văn học được chia thành ba bộ môn: lý luận, lịch sử và phê bình văn học, được bao quát bởi thuật ngữ chung là khoa học văn học hay nghiên cứu văn học, nhưng ba bộ môn đó có quan hệ hỗ trợ, ràng

buộc rất chặt chẽ với nhau và nhiều khi có sự đan xen mật thiết với nhau. Muốn phân biệt ba bộ môn lý luận, lịch sử và phê bình văn học cần căn cứ vào chức năng đặc thù của mỗi bộ môn.

Hiện nay, Việt Nam tồn tại khá phổ biến ý kiến cho rằng, hành vi đánh giá chỉ được gọi là “phê bình” khi nó giới hạn ở các hiện tượng văn học mới xuất hiện, còn hành vi đánh giá hiện tượng văn học quá khứ hay “đã yên vị” thì được gọi là “nghiên cứu”. Tác giả cho rằng, như vậy phê bình và nghiên cứu chỉ được phân biệt bằng tiêu chí thời gian, không chú ý đến đặc trưng của từng bộ môn. Cho nên, phê bình không nhất thiết bị bó buộc bởi thời gian, mỗi thời đại đều có quyền xét lại các hành vi

---

<sup>(\*)</sup> PGS, TS. văn học, Viện KHXH Việt Nam.

đánh giá của giới nghiên cứu trong quá khứ. Như vậy, đánh giá một hiện tượng văn học của thời hiện đại hay thời quá khứ đều được gọi là phê bình. Khi tiến hành phân tích sâu một hiện tượng văn học quá khứ gọi là khảo cứu.

Tiếp theo, tác giả đặt câu hỏi “Phải nghiên cứu văn học như thế nào?” và trả lời rằng là dùng “phương pháp luận nghiên cứu văn học”. Hiện tại, phương pháp luận vẫn được xếp vào bộ môn lý luận văn học và vấn đề còn bỏ ngỏ là quyền độc lập cho phương pháp luận.

Tác giả tiếp tục đặt câu hỏi “Các lý thuyết mỹ học có thể được gọi là lý luận văn học được không?”. Các nhà lý luận văn học Việt Nam đang phải tự nghiên cứu mỹ học để phục vụ việc nghiên cứu văn học. Nghiên cứu văn học rất cần đến lý thuyết mỹ học về nghệ thuật. Trong khi đó, Việt Nam nằm trong tình trạng nghèo nàn về mỹ học nghệ thuật, cho nên lý luận văn học phải giới thiệu lý thuyết mỹ học. Theo tác giả, “nhà lý luận văn học cần áp dụng lý thuyết mỹ học vào thực tiễn văn học, phải coi nhiệm vụ mỹ học chỉ là nhiệm vụ khởi động chứ không phải là toàn bộ nhiệm vụ. Nhà lý luận văn học vừa có thể là nhà mỹ học, nhưng không thể coi lý luận văn học chỉ là mỹ học, cùng lắm chỉ có thể coi nó một phần là mỹ học hành động hay mỹ học ứng dụng ”

Về tình hình cụ thể của lý luận phê bình văn học hiện nay, tác giả cho rằng,

đội ngũ lý luận - phê bình hiện nay còn gặp nhiều khó khăn trước yêu cầu của tình hình thực tế, có người vẫn chưa nắm được các kiến thức sơ đẳng nhất về thể loại văn chương cũng như chức năng, nhiệm vụ của phê bình văn học. Có người chỉ phê bình theo cảm hứng. Theo tác giả, phê bình cần đến lý luận, “phê bình phải là một khoa học mang tính nghệ thuật”. Cảm xúc chân thành là yếu tố quan trọng khởi đầu, cần nhưng chưa đủ. Phê bình văn học phải dựa vào lý luận để thực hiện chức năng của mình, không có kiểu phê bình phi lý luận. Ngược lại, tác giả cũng cho rằng, không thể có lý luận văn học thuần túy, lý luận phải dẫn đến thực tế, phải liên hệ trực tiếp tới phê bình và nghiên cứu văn học nói chung. Như vậy, lý luận cần phê bình bao nhiêu thì phê bình cần lý luận bấy nhiêu.

Trong bài viết *Những bài học lý luận rút ra từ các cuộc tranh luận văn học*, tác giả tổng kết những bài học trong tranh luận văn học về các vấn đề: quan hệ giữa văn học và chính trị; quan hệ giữa văn học và hiện thực; chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện thực XHCN là giá trị thẩm mỹ hay phương pháp sáng tác?; cuối cùng là đánh giá văn học hơn 50 năm qua.

Về quan hệ giữa văn học với chính trị, tác giả cho rằng cần đặt ra câu hỏi: “Có phải văn nghệ chỉ có một nhiệm vụ là phục vụ chính trị không?” Mệnh đề “văn nghệ phục vụ chính trị” đã dẫn đến một cơ chế quản lý giáo điều, đồng nhất văn nghệ với chính trị, người hoạt động chính trị có quyền uốn nắn văn nghệ. Sự thật, mệnh đề đó cũng chỉ là một trong những nhiệm vụ của văn nghệ mà thôi. Nhìn chung đã có sự thống nhất tương đối giữa các ý kiến cho rằng “văn nghệ và chính trị thống nhất trong việc thực hiện những nhiệm vụ lớn của cách mạng... nhưng không được đồng nhất

văn nghệ với chính trị...”

Về mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, theo tác giả, câu hỏi cần đặt ra là: “Chủ nghĩa hiện thực có phải là tiền thân trực tiếp của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không?”; “Sự phản ánh hiện thực khác với kiểu phản ánh hiện thực ở chỗ nào?” Có nhiều nhà văn tán thành quan điểm nhấn mạnh vai trò của chủ thể sáng tạo, nhưng cũng có người không tán thành quan điểm coi phản ánh là thuộc tính của văn học. Cũng có ý kiến yêu cầu phải xác định lại khái niệm hiện thực, phải mở rộng khái niệm hiện thực.

Tác giả cho rằng, các nhà phê bình cần bàn đến một vấn đề, đó là hiện thực cần phải được phản ánh đầy đủ. Mệnh đề văn học phản ánh hiện thực là một điều tất yếu theo nhiều kiểu khác nhau với những tên gọi khác nhau như phản ánh khách quan, phản ánh chủ quan, phản ánh theo lối cổ điển chủ nghĩa, lãng mạn chủ nghĩa, tự nhiên chủ nghĩa, hiện thực chủ nghĩa, v.v... Theo tác giả, sự lựa chọn kiểu phản ánh phụ thuộc vào quan niệm nghệ thuật và mục đích thẩm mỹ của nhà văn, một phần quan trọng phụ thuộc vào tâm tính nhà văn.

Liên quan đến vấn đề văn học phản ánh hiện thực là sự xuất hiện một vấn đề quan trọng cần giải quyết: chủ nghĩa hiện thực XHCN là giá trị thẩm mỹ hay phương pháp sáng tác? Theo tác giả, “chủ nghĩa hiện thực vô bờ bến” của Roger Garaudy (Pháp) coi bất cứ tác phẩm văn học xuất sắc nào cũng là hiện thực chủ nghĩa. Đó chính là quan điểm giá trị học coi chủ nghĩa hiện thực là một giá trị thẩm mỹ.

Nhiều nhà nghiên cứu coi chủ nghĩa hiện thực XHCN là kết quả của quá trình phát triển cao của chủ nghĩa hiện thực. Nhưng tác giả cho rằng, chủ nghĩa

hiện thực XHCN ra đời là do yêu cầu của xã hội, giống với chủ nghĩa cổ điển Pháp thế kỷ XVII, là phương pháp sáng tác ở giai đoạn cao. Nhìn chung, các nhà lý luận và quản lý văn nghệ vẫn công nhận chủ nghĩa hiện thực XHCN là một phương pháp sáng tác, nhưng là “phương pháp tốt nhất” chứ không phải là duy nhất. Và chính vì như vậy, các nhà nghiên cứu vẫn không thoát khỏi sự lằng lằng cố hữu giữa giá trị phương pháp với giá trị thẩm mỹ, không thoát khỏi định kiến giá trị học về chủ nghĩa hiện thực nói chung và chủ nghĩa hiện thực XHCN nói chung.

Từ thực tiễn lý luận - phê bình văn học Việt Nam, tác giả rút ra *những thách thức đối với lý luận - phê bình văn học hiện nay*. Trước hết tác giả nói đến thách thức về yêu cầu phải tiếp nhận đồng bộ đối với lý luận phê bình của thế giới. Sự đồng bộ giữa tiếp nhận sáng tác với tiếp nhận phê bình là một sự đồng nhất về mặt hệ thống: tiếp nhận các thành tựu sáng tác của nhân loại một cách hệ thống; tuân theo cách tiếp cận hệ thống các thành tựu lý luận - phê bình của thế giới như hệ thống các phạm trù và các khái niệm văn học, hệ thống các quan niệm; hệ thống các lý thuyết nghiên cứu; hệ thống các phương pháp nghiên cứu, v.v

Theo tác giả, thách thức thứ hai là phải quán triệt nguyên tắc về lập trường phê phán khi tiếp nhận lý luận - phê bình văn học thế giới. Đây là nguyên tắc rất quan trọng, đầy thách thức, yêu cầu về lập trường phê phán: tránh thụ động, phụ họa một chiều; chỉ tiếp nhận những thành tựu lý luận đích thực.

Thách thức thứ ba là giải quyết vấn đề phát huy óc sáng tạo trong tiếp nhận lý luận phê bình như thế nào? Tác giả cho rằng, việc giới thiệu các thành tựu

lý luận phê bình văn học thế giới phải được liên hệ với văn học Việt Nam, phải gắn với đời sống văn học Việt Nam, phải soi vào văn học Việt Nam để giải quyết những vấn đề của văn học Việt Nam. Người giới thiệu phải làm chủ được các lý thuyết cần có cái nhìn hệ thống và phải phân biệt được đúng sai.

Khi nói về thách thức thứ tư, là phải kiên quyết quán triệt thái độ khoa học nghiêm túc khi tiếp nhận lý luận - phê bình, tác giả cho rằng làm khoa học cần có thái độ nghiêm túc và trung thực.

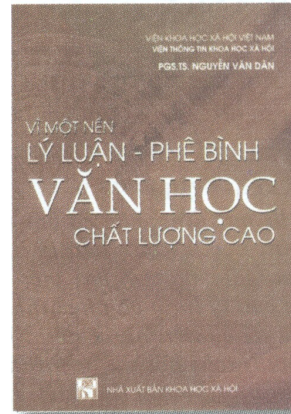
Cuối cùng, tác giả cho rằng, lý luận - phê bình văn học Việt Nam còn phải đương đầu với thách thức đòi hỏi các nhà lý luận phê bình ngày nay phải quan tâm đến một loại hành động đặc trưng cho công việc của họ; xây dựng những chuyên luận sâu sắc.

Trong bài *Phê bình văn học - một hoạt động linh hoạt nhất của nghiên cứu văn học*, tác giả cho rằng, cần phải suy nghĩ nghiêm túc khi xác định bản chất của phê bình văn học; không nên chỉ giới hạn cố định phạm vi đối tượng phê bình ở thời hiện tại. Phê bình văn học chưa thể trở thành một bộ môn độc lập, nhưng hoàn toàn có thể được gọi là một khoa học. Và đã là một môn khoa học thì cần có nguyên tắc lý thuyết.

Theo tác giả, bộ môn phê bình ở nước ta có xu hướng được coi là một nghệ thuật và đó dường như là đặc trưng của văn hoá phương Đông. Ngoài ra, không thể coi nhẹ việc xác định quy chế khoa học ngay từ đầu cho phê bình văn học cũng như những thành tựu về mặt phương pháp phê bình của văn học phương Tây. Từ quan niệm coi phê bình là một khoa học mang tính nghệ thuật, có thể dễ dàng giải quyết được vấn đề về tính chuyên nghiệp của phê bình. Phê bình cần tính chuyên nghiệp đặc thù, thể hiện ở tính chuyên môn khoa học, ở

tính biện chứng khách quan.

Cuối cùng, tác giả cho rằng, phê bình văn học hiện nay có thể được gọi là “bộ môn không bộ”, vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Cho nên, phê bình là một hoạt động linh hoạt nhất của nghiên cứu văn học. Nhà phê bình có thể vừa là nhà lý luận, vừa là nhà nghiên cứu văn học sử.



Bài viết *Xây dựng hệ thống phương pháp luận - một nhiệm vụ cấp bách của lý luận văn học thời kỳ đổi mới* cho rằng, lý luận văn học bao gồm phần cứng và phần mềm,

trong đó phần cứng là kim chỉ nam của hoạt động lý luận, là hạt nhân phương pháp luận cơ bản, còn phần mềm là chìa khoá để hiểu các hiện tượng và tác phẩm văn học cụ thể; phần cứng có tính ổn định tương đối lâu dài, còn phần mềm lại luôn biến đổi. Lịch sử phát triển lý luận văn học thế giới luôn chú ý phát triển cả phần cứng lẫn phần mềm.

Ngay từ thời kỳ đầu của nền lý luận văn học Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã rất có ý thức về tầm quan trọng của các lý thuyết và phương pháp. Ngày nay, Việt Nam đã tiếp nhận các thành tựu của văn học thế giới với một loạt các lý thuyết mỹ học và lý luận văn học. Để khắc phục xu hướng tiếp thu tự nhiên, không phê phán, các nhà nghiên cứu cần nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, xuất phát từ các nguyên tắc và tiêu chuẩn khoa học để đánh giá, không dùng định kiến chính trị để phán xét

tuyệt vời. Ngoài ra, nhà nghiên cứu cần đi từ góc độ tiếp nhận, từ quan điểm, từ yêu cầu, từ khả năng áp dụng vào thực tiễn văn học Việt Nam để tổng kết thành một hệ thống phương pháp luận.

Tác giả cho rằng, các nhà lý luận-phê bình văn học Việt Nam đã tiếp thu và áp dụng phương pháp hiện đại để phân tích các hiện tượng và tác phẩm văn học cụ thể của nước ta và thế giới. Đó cũng là công lao và vai trò quan trọng của lý luận văn học trong việc chỉ đạo ứng dụng nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay đang xuất hiện hiện tượng tiếp thu lý luận xô bồ, nguyên văn, khiến nhà nghiên cứu trở thành nô lệ của thông tin. Cho nên, lý luận văn học Việt Nam cần xây dựng một hệ thống lý luận và hệ thống phương pháp luận nghiên cứu văn học mang tính khoa học biện chứng và chặt chẽ. Các nhà lý luận cần có sự trao đổi và hợp tác chặt chẽ hơn trong việc thẩm định và tiếp thu lý luận văn học của thế giới, xem xét và tiếp thu có phê phán mọi thành tựu của thế giới có giá trị khoa học, logic và còn giá trị sử dụng.

Nói về triển vọng của phương pháp luận nghiên cứu văn học, tác giả cho rằng, hiện nay đang có xu hướng khoa học hoá phương pháp luận. Trên thế giới vẫn tồn tại những quan niệm đồng nhất các lĩnh vực lý luận, phương pháp luận và phê bình. Nếu xây dựng được một hệ thống phương pháp luận khả dụng thì sẽ mở ra triển vọng cho phương pháp luận nghiên cứu văn học.

Trong bài *Viết sử văn học - một công việc luôn phải đổi mới (Phác thảo một phương pháp luận văn học sử)*, tác giả đề cập đến một số vấn đề như mục đích và đối tượng của lịch sử văn học; vấn đề phân kỳ và phân vùng văn học; góc độ tiếp cận đối tượng; các cấp độ và phương pháp biên soạn lịch sử văn học, từ đó đi

đến kết luận rằng, lịch sử văn học phải tiến tới trở thành một bách khoa thư sinh động về văn học.

Theo tác giả, trên một phương diện nhất định, lịch sử văn học còn phải thấu tóm cả lý luận và phê bình văn học. Mục tiêu cụ thể của lịch sử văn học là cung cấp kiến thức về quy luật phát triển của văn học cho các nhà nghiên cứu lý luận và phê bình; cung cấp các kiến thức và thành tựu nghệ thuật cho các nhà sáng tác; chỉ ra những hạn chế cho các thế hệ sáng tác hiện tại và mai sau. Còn đối tượng của văn học sẽ là các hiện tượng văn học diễn ra trong quá trình lịch sử và mọi khía cạnh thuộc về lịch sử có liên quan đến tác phẩm văn học đều phải được nhà viết sử văn học quan tâm.

Nói về *vấn đề phân kỳ và phân vùng văn học*, tác giả cho rằng, lý do phân kỳ văn học xuất phát từ yêu cầu về sự tiện lợi và có sự đóng góp của lịch sử chính trị xã hội. Chủ trương phân kỳ văn học dựa vào tiêu chí của bản thân văn học. Còn phân vùng văn học diễn ra một cách hoàn toàn tự nhiên, nhất là lịch sử văn học thế giới hay lịch sử văn học khu vực. Nhưng sự phân vùng văn học của các quốc gia dân tộc trên thế giới rất phức tạp khi một quốc gia có một số dân tộc chiếm vị trí ngang bằng nhau, với ngôn ngữ và văn hoá được chính thức công nhận một cách bình đẳng. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là, chúng ta viết như thế nào với lịch sử văn học của các dân tộc thiểu số? Theo tác giả, cần đề cập đến sự đóng góp chung của văn học dân tộc thiểu số Việt Nam đối với sự phát triển văn học Việt Nam cũng như đặc thù riêng của các nền văn học dân tộc thiểu số.

Về *góc độ tiếp cận đối tượng*, tác giả cho rằng, tình hình thực tiễn của công việc viết sử nảy sinh mâu thuẫn giữa yêu cầu khách quan của sự kiện lịch sử

với tính chủ quan của người viết sử, nhưng tính chủ quan của người viết sử không thể biến thành một sự áp đặt tùy tiện, không thể là một sự tán tụng vô căn cứ, mà cần phải tuyệt đối tôn trọng tính khách quan của chủ thể văn học. Quan điểm hoàn toàn khác với tiêu chí, có thể đánh giá sự kiện văn học dựa vào quan điểm, nhưng các tiêu chí thì vẫn là tiêu chí của văn học. Một thách thức thường xuyên của mọi thời đại là rất khó đạt được tính khoa học trong quan hệ giữa tính khách quan của các sự kiện với tính chủ quan của người viết. Qua các thời đại, các công trình viết sử được viết lại, nhưng luôn khác nhau ở phần mềm. Một bộ lịch sử văn học có phần cứng chính xác với độ tin cậy cao, dù phần mềm chưa thoả đáng vẫn rất có giá trị cho đời sau.

Khi nói đến *cấp độ và phương pháp biên soạn lịch sử văn học*, tác giả cho rằng, biên soạn lịch sử văn học có ba cấp độ, bao gồm cấp độ khái quát (các bộ sử sơ thảo, lược thảo, đại cương, sử yếu, giới thiệu những sự kiện và hiện tượng tiêu biểu nhất của một nền văn học), cấp độ chi tiết (lấy phương pháp so sánh tổng quan phân tích làm chủ đạo), cấp độ toàn diện (mô tả liệt kê tất cả các sự kiện văn học có trong một nền văn học của quốc gia). Nhà viết sử có thể áp dụng nhiều phương pháp tùy từng lúc và tùy theo hiện tượng văn học, trong đó đặc biệt chú ý đến phương pháp hệ thống và phương pháp so sánh. Hai phương pháp đó sẽ tạo dựng nên bức tranh tổng thể của một nền văn học.

Vai trò của văn hoá trong nghiên cứu văn học, việc vận dụng các quan điểm và thành tựu văn hoá để lý giải văn học được tác giả nói đến trong bài *Tiếp cận văn học bằng văn hoá học*.

Tác giả cho rằng, khi tiếp cận văn học từ nhiều hướng, có thể đạt hiện

tượng văn học vào môi trường văn học để lý giải và đánh giá giá trị lịch sử của hiện tượng văn học đó. Khi nghiên cứu văn học bằng phương pháp văn hoá học, nếu biết sử dụng hợp lý liều lượng văn hoá và kết hợp nó với các phương pháp khác nữa để đôi khi phải tìm ra cả những yếu tố đứng đằng sau văn hoá, thì phương pháp văn hoá học sẽ có đóng góp đáng kể cho nghiên cứu văn học.

Tuy nhiên, cách tiếp cận văn học bằng con đường văn hoá đặc sắc mà phức tạp. Điều quan trọng là phải lý giải được động cơ và mục đích cuối cùng của sự lựa chọn và các mô típ văn hoá của văn học.

Trong bài viết áp dụng các phương pháp khoa học chính xác vào nghiên cứu văn học như thế nào? (Khảo sát trường hợp cụ thể của phương pháp thống kê), tác giả cho rằng, phương pháp thống kê toán học khá hữu ích trong nghiên cứu văn học, giống như phương pháp phụ trợ giúp nhà nghiên cứu đạt được kết quả khoa học.

Tác giả cho rằng, khía cạnh quan trọng của phương pháp thống kê không phải là những con số thông tin mà là ở khả năng lựa chọn, phân tích và lý giải thông tin của nhà nghiên cứu như thế nào.

Khái niệm “chủ nghĩa hậu hiện đại”, quan niệm về chủ nghĩa hậu hiện đại, cái chung và cái riêng của chủ nghĩa hiện đại và chủ nghĩa hậu hiện đại, từ quan niệm nghệ thuật đến ý đồ triết học-chính trị, được tác giả trình bày trong bài viết *Cái gọi là “chủ nghĩa hậu hiện đại” - từ khái niệm đến thực tiễn*.

Theo tác giả, chủ nghĩa hiện đại là khái niệm chủ yếu được dùng để chỉ các trào lưu nghệ thuật thuộc phong trào tiên phong ở nửa đầu thế kỉ XX, bao gồm chủ nghĩa biểu hiện, chủ nghĩa

đada, chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa lập thể, chủ nghĩa vị lai, chủ nghĩa trừu tượng, văn xuôi phi lý của Kafka, Camus, v.v. Tác giả cho rằng, về mặt lý thuyết, những gì mà những người đề xướng chủ nghĩa hậu hiện đại chủ trương thì hầu hết đã có ở chủ nghĩa hiện đại, có điểm khác là đặc tính nghệ thuật ở chủ nghĩa hậu hiện đại được đẩy lên tới mức tối hạn. Xét về mặt đặc tính nghệ thuật thì cả chủ nghĩa hiện đại lẫn chủ nghĩa hậu hiện đại đều không có những đặc tính thống nhất. Chủ nghĩa hiện đại là một thuật ngữ bao quát dùng để chỉ các trào lưu ngoài chủ nghĩa hiện thực truyền thống, có xu hướng tìm tòi đổi mới, cách tân, đoạn tuyệt với chủ nghĩa tư sản; hậu hiện đại là một thuật ngữ bao quát chỉ các xu hướng văn học nghệ thuật khác nhau về đặc tính nghệ thuật, nhưng giống nhau về đặc tính thời gian, tức là được dùng để chỉ các xu hướng văn học nghệ thuật ngoài chủ nghĩa hiện thực truyền thống, có xu hướng tìm tòi đổi mới, thậm chí đổi mới đến cực đoan, siêu hiện đại.

Khi xem xét việc lạm dụng khái niệm hậu hiện đại mang ý đồ tư tưởng trong lĩnh vực triết học - chính trị, tác giả nói đến trường hợp của Lyotard. Ông là nhà triết học macxít, sau này đã phê phán chủ nghĩa Marx không chú ý đến các khát vọng dục năng của mỗi cá nhân. Lyotard cho rằng, trong xã hội hậu hiện đại, mỗi cá nhân không cần phải hành động theo bất cứ tiêu chuẩn tuyệt đối nào mà chỉ cần theo các điều kiện của tình huống cụ thể. Theo quan điểm của Lyotard và chủ nghĩa hậu hiện đại trong triết học bị nhiều người phê phán. Từ Lyotard, tác giả cho rằng, chỉ nên sử dụng khái niệm hậu hiện đại cho kiến trúc và hội họa, còn trong các lĩnh vực khác, đặc biệt là trong văn học chỉ nên dùng khái niệm “chủ nghĩa tối hiện đại hay siêu hiện đại”.

Trong bài viết *Huyền tưởng văn học và truyện kinh dị*, tác giả nói về tác dụng của truyện kinh dị và vị trí của nó trong tổng thể hệ thống các loại hình văn xuôi. Truyện kinh dị là mảng văn học giải trí, có bề dày truyền thống trong sáng tác và tiếp nhận ở phương Tây, nhưng không phải loại hình tách biệt trong hệ thống các loại hình sáng tác văn học. Theo tác giả, huyền tưởng là loại hình văn học kết hợp giữa hư và thực, trong đó, vai trò của yếu tố hư ảo rất quan trọng bởi nó xuất hiện bất ngờ trong một thế giới được điều hành bởi các quy luật của hiện thực. Truyện kinh dị là mảng nhỏ nằm trong hệ thống truyện huyền tưởng. Nghệ thuật kinh dị nói chung và truyện kinh dị nói riêng không phải là loại văn học nghệ thuật độc hại, nó chỉ gây hại khi bị đẩy đến mức cực đoan, dùng không đúng chỗ, không đúng đối tượng, không đúng liều lượng. Hướng dẫn tiếp nhận sách kinh dị cho trẻ em là thiên chức của nhà phê bình, người quản lý và người làm sách.

Bài viết *Tiến tới xây dựng bộ môn văn học so sánh ở các trường đại học nước ta* đề cập đến việc xây dựng bộ môn văn học so sánh, hay có thể là văn học so sánh thế giới ở cấp đại học, không chỉ về mặt lý luận mà chủ yếu là về mặt ứng dụng, không chỉ giới hạn ở cấp sau đại học mà còn ở cấp đào tạo cho sinh viên. Trước hết, tác giả điếm qua về tình hình nghiên cứu và giảng dạy văn học so sánh trên thế giới, sau đó nói về vị trí văn học thế giới so sánh trong hệ thống các bộ môn văn học sử ở một số nước trên thế giới và cuối cùng đặt ra câu hỏi: Việt Nam có đủ những điều kiện chín muồi để xây dựng bộ môn văn học thế giới so sánh hay chưa?

Theo tác giả, chúng ta đã có những công trình nghiên cứu về lý luận văn học so sánh; nghiên cứu so sánh ứng dụng giữa hai nền văn học Hy Lạp và

La Mã cổ đại; nghiên cứu so sánh giữa các thể văn cổ của Việt Nam với Trung Quốc; giữa một số tác phẩm của Việt Nam với Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên; giữa văn học Việt Nam với văn học Pháp, văn học Liên Xô (cũ), v.v Đó là cơ sở để thành lập bộ môn văn học thế giới so sánh. Tác giả còn cho rằng, việc thành lập bộ môn văn học thế giới so sánh ở nước ta chỉ còn là vấn đề khái niệm và sự quyết tâm của đội ngũ chuyên gia cũng như các cấp có thẩm quyền.

Bài viết cuối cùng của cuốn sách với nhan đề *Góp phần xây dựng lý thuyết dịch thuật* nói về yêu cầu đối với dịch thuật, các nguyên tắc dịch thuật, sự khác nhau giữa dịch thuật văn học và dịch thuật khoa học, biên tập các tài liệu dịch thuật.

Theo tác giả, yêu cầu duy nhất đối với dịch thuật là bảo đảm tính chính xác toàn diện của văn bản cả về ngữ nghĩa lẫn ý đồ tu từ và tư tưởng của nguyên tác. Dịch giả và người sáng tác có quyền bình đẳng với nhau về tư cách tác giả theo luật bản quyền.

Để đáp ứng được yêu cầu dịch thuật, tác giả đưa ra bốn nguyên tắc: vốn kiến thức văn hoá; tư duy và chuyển nghĩa

tương đương giữa hai ngôn ngữ, tức tư duy hai ngôn ngữ; đối chiếu đa ngữ; tính kiên trì.

Tác giả cho rằng, dịch thuật văn học và dịch thuật khoa học giống nhau, đều tuân theo bốn nguyên tắc, nhưng vẫn có sự khác biệt ở tính đặc trưng của hai lĩnh vực. Dịch thuật văn học cần chú ý đến ý đồ thẩm mỹ và đồng cảm thẩm mỹ với tác giả, còn dịch thuật khoa học thì phải chú ý đến tính chính xác của thuật ngữ chuyên môn, người dịch cần phải có kiến thức khoa học chuyên ngành hay đa ngành, tức là có đầy đủ tư cách là một nhà khoa học.

Theo tác giả, người làm công tác biên tập tài liệu dịch cần hiểu bốn nguyên tắc dịch thuật: am hiểu tiếng Việt, có kiến thức văn hoá, am hiểu sâu sắc kiến thức chuyên ngành, có trình độ nhất định về kiến thức đa ngành.

*Vì một nền lý luận - phê bình văn học chất lượng cao* chỉ với 12 bài viết, nhưng tác giả đã bao quát được nhiều vấn đề chủ yếu của lý luận, phê bình văn học. Mỗi bài viết được coi như là một cuộc tranh luận, giúp độc giả hiểu thêm về nền lý luận - phê bình văn học Việt Nam cũng như thế giới.